|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG | **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2023-2024** |
| **TỔ : LÝ – HÓA – SINH -TD** | **MÔN: KHTN 6** |

**1. Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 1: Kiến thức đến tuần 9*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu, mỗi câu 0.25đ)*

- Phần tự luận: 6,0 điểm

**A/ Ma trận đề:**

**A/ Ma trận đề:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
|  *Mở đầu về KHTN (7 tiết)* |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  | 2 | 0,5 |
| *1. Vật lý :**Các phép đo (8 tiết)* |  | 4 | 1 |  | 1 |  | 1 |  |  |  | **2,5** |
| *2. Hóa học ( 8 tiết)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1.* *An toàn trong phòng thực hành (2 tiết)* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | **0,5** |
| *2. Sự đa dạng của chất( 2 tiết)* |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | **0,75** |
| *3. Các thể của chất và sự chuyển thể**( 2 tiết)* |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 1 | **0,75** |
| *4. Oxygen. Không khí ( 2 tiết)* |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 1 | **0,5** |
| *Tế bào (8 tiết)* |  | 3 | 1 | 2 |  | 1 | 1 |  | 2 | 6 | **3,0** |
| *Từ tế bào đến cơ thể (3 tiết)* | 2/3 |  |  |  | 1/3 |  |  |  | 1 |  | **1,5**  |
| ***Số câu*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu** |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số điểm** |  **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Số câu) |
| 1. ***Mở đầu ( 7 tiết)***
 |  |  |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên- Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | **1** |  | **C12** |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng thấp** | – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | **1** |  | **C9** |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| ***Các phép đo (8 tiết)*** |  |  |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ,  | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thể tích, thời gian, nhiệt độ |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thể tích, thời gian, nhiệt độ |  | **1** |  | **C1** |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian |  | **2** |  | **C2,3** |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.- Biết nhiệt độ sôi, nhiệt độ của nước đá đang tan ở một nhiệt độ xác định |  | **1** |  | **C4** |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.  |  |  |  |  |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. | **1** |  | **C17** |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Đổi được một số đơn vị đo độ dài, đo khối lượng, đo thời gian, đo nhiệt độ | **1** |  | **C18** |  |
| - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.- Đề xuất được các phương án đo chiều dài, khối lượng trong thực tiễn. | **1** |  | **C19** |  |
| ***2. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen và không khí (7 tiết)*** |  |  |  |  |
| -- Bài 2. An toàn trong phòng thực hành.- Bài 9. Sự đa dạng của chất.- Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể.- Bài 11. Oxygen. Không khí | **Nhận biết** | - Biết được một số ký hiệu cảnh báo trong phòng thực hành |  | **1** |  | **C6** |
| - Biết được một vài quy định bắt buộc trong phòng thực hành |  |  |  |  |
| - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống). |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). | **1** |  | **C20** |  |
| - Nêu được KN về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  | **1** |  | **C7** |
| - Nêu được oxygen có mặt ở đâu trên Trái Đất. |  |  |  |  |
| - Nêu được tính chất vật lý và tầm quan trọng của oxygen |  | **1** |  | **C8** |
| - Nêu được thành phần của không khí. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được đâu là tính chất vật lý, đâu là tính chất hóa học của một chất |  |  |  |  |
| - Hiểu về các sự chuyển thể: nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. |  |  |  |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quang trọng của oxygen đối với các sinh vật sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| - Giải thích và phân biệt được sự chuyển thể của chất trong thực tế. | **1** |  | **C21** |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.- Dựa vào thành phần của không khí, tínhthể tích không khí. | **1** |  | **C22** |  |
| ***4. Tế bào – Từ tế bào đến cơ thể (12 tiết)*** |  |  |  |  |
| – Khái niệm tế bào– Hình dạng và kích thước tế bào– Cấu tạo và chức năng tế bào– Sự lớn lên và sinh sản của tế bào– Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống | **Nhận biết** |  - Nêu được khái niệm, chức năng của tế bào.  |  |  |  |  |
| - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. |  | **1** |  | **C10** |
| - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào |  | **1** |  | **C14** |
| - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  | **1** |  | **C11** |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào. |  | **1** |  | **C16** |
| – Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.  | **1** | **1** | **C25** | **C15** |
| – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → *n* tế bào) |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  | - Vận dụng kiến thức xác định được số lượng tế bào con tạo ra sau quá trình phân chia |  | **1** |  | **C13** |
|  | **Vận dụng cao** | - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. | **1** |  | **C23** |  |
|  Cơ thể sinh vật | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ  | **1** |  | **C24b** |  |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng để phân biệt được vật sống và vật không sống: cho ví dụ. | **1** |  | **C24c**  |  |
| Tổ chức cơ thể đa bào | **Nhận biết** | - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). | **1** |  | **C24a** |  |
| - Kể và nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được các ví dụ minh hoạ về mô, cơ quan, hệ cơ quan. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Hiểu và vận dụng để giải thích được vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng kiến thức để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS: \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_** **Lớp Trường THCS Kim Đồng****Số BD:**............... **Phòng thi:**...........**- Số tờ:**.......... | **KIỂM TRA GIỮA KỲ I (2023-2024)****MÔN: KHTN 6 - Đề 1****Thời gian làm bài:** 90 **phút** | **MP** | **TT** |
|  |  |
|

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Giám thị** | **Giám khảo 1** | **Giám khảo 2** | **MP** | **TT** |
|  |  |  |  |  |  |
|

**Đề số 1 :**

**I/ TRẮC NGHIỆM: ( 4.0 điểm)** Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

**Câu 1. *Trong Hệ đơn vị đo lường hợp pháp của nước ta, đơn vị đo khối lượng là:***

A. gam (g) B. kilôgam (kg) C. hectôgam (hg) D. miligam (mg)

**Câu 2: *Để đo thời gian chạy cự li ngắn 100m, ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất?***

A. Đồng hồ đeo tay C. Đồng hồ điện tử
B. Đồng hồ quả lắc D. Đồng hồ bấm giây

**Câu 3:** ***Để đo chiều dài của một vật ta dùng dụng cụ nào?***

A. Thước đo. B. Đồng hồ bấm giây. C. Cân. D. Bình chia độ.

**Câu 4: *Trong thang nhiệt độ Xen-xi-út, nhiệt độ của nước đá đang tan là***

A. 1000C B. 2000C C. 100C D. 00C
**Câu 5: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?**

**A.** Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.

**B.** Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.

**C.** Mang đồ ăn vào phòng thực hành.

**D.** Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

**Câu** **6. Các biển báo trong Hình 2.1 có ý nghĩa gì? ( mùa xanh trong hình là màu đỏ thực tế)**



*Hình 2.1*

**A.** Cấm thực hiện. **B.** Bắt buộc thực hiện.

**C.** Cảnh báo nguy hiểm. **D.** Không bắt buộc thực hiện.

**Câu 7: Quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất gọi là**

**A.**sự đông đặc

**B.**sự nóng chảy

**C.**sự bay hơi.

**D.**sự ngưng tụ.

**Câu 8:** **Tính chất nào sau đây mà oxygen không có**

**A.** tan nhiều trong nước.

**B.** nặng hơn không khí.

**C.** oxygen là chất khí.

**D.** không màu, không mùi, không vị

**Câu 9.** Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính hiển vi?

**A**. Tép bưởi **C**. Con muỗi

**B.** Con kiến **D**. Tế bào biểu bì vảy hành

**Câu 10.** Loại tế bào nào sau đây lớn nhất trong cơ thể người?

**A**. Tế bào hồng cầu **C.** Tế bào trứng

**B**. Tế bào xương **D.** Tế bào thần kinh

**Câu 11.** Sự lớn lên và sinh sản của tế bào **không** có ý nghĩa nào sau đây?

**A**. Tăng kích thước cơ thể. **B**. Làm cho cây mau già đi

**C.** Thay thế tế bào già. **D**. Thay thế tế bào bị tổn thương

**Câu 12.** Bộ phận nào của kính hiển vi quang học là nơi để mắt vào quan sát?

**A.** Thị kính **B**. Đĩa quay. **C**. Ốc điều chỉnh. **D.** Vật kính

**Câu 13.** Từ 1 tế bào ban đầu sau 3 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra số tế bào con là:

**A**. 4 B. 8 **C.** 16 **D**. 32

**Câu 14*.*** Một em bé lúc mới đẻ được 3,0kg. Sau 1 tháng nặng 4.5 kg. Theo em tại sao lại có sự tăng khối lượng như vậy?

**A.** Do dự tăng lên về kích thước và số lượng các tế bào trong cơ thể. **B**. Do tế bào tăng kích thước

**C**. Do tăng số lượng tế bào **D**. Do tế bào phân chia.

**Câu 15.**Tế bào thực vật khác với tế bào động vật ở đặc điểm nào sau đây?

**A**. Có màng tế bào **C**. Có lục lạp

**B**. Có tế bào chất **D**. Có nhân hoàn chỉnh

**Câu 16.**Nhân của tế bào có chức năng nào sau đây?

**A.** Tham gia trao đối chất với môi trường.

**B**. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

**C.** Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào.

**D.** Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào.

**B. PHẦN TỰ LUẬN. (6 điểm)**

**Câu 17.(0,75 điểm):** Để đo bề dày cuốn sách khoa học tự nhiên lớp 6 em chọn loại thước đo nào? Có độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) là bao nhiêu? Giải thích sự lựa chọn của em? **Câu 18:(0,5 điểm)** Đổi các đơn vị sau

1. 45 phút =……………………giờ
2. 650 g = …………………..kg

**Câu 19( 0,25 điểm):** Hãy thiết kế một phương án dùng cân đĩa có cấu tạo tương tự như cân Roberval (hình 6.2) và một quả cân loại 2 kg đề chia túi gạo 5 kg thành 5 túi có khối lượng bằng nhau.



**Câu 20: (0,75 điểm)** Hãy liệt kê các tính chất vật lí và tính chất hoá học của sắt có trong đoạn văn sau: "Sắt là chất rắn, màu xám, có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt tốt. Ở Thủ đô Delhi (Ấn Độ) có một cột sắt với thành phần gần như chỉ chứa chất sắt, sau hàng nghìn năm, dù trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt vẫn không hề bị gỉ sét. Trong khi đó, để đồ vật có chứa sắt như đinh, búa, dao,... ngoài không khí ẩm một thời gian sẽ thấy xuất hiện lớp gỉ sắt màu nâu, xốp, không có ánh kim".

**Câu 21: ( 0,5 điểm)** Hiện tượng nào sau đây là sự chuyển thể của chất , hiện tượng nào không phải là sự chuyển thể của chất? Vì sao?

a) Mỡ lợn ở thể rắn nóng chảy thành thể lỏng

b) Phơi nắng nước biển thu được muối ăn

c) Đúc đồ đồng ( nấu chảy đồng, đổ vào khuôn để nguội)

**Câu 22:** **( 0,25 điểm)** Khi đốt cháy 1 lít xăng, cần 1950 lít oxygen. Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 7 lít xăng. Coi oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí. Thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km là bao nhiêu?

**Câu 23 (0.5đ)** Trong quá trình điều chỉnh kính hiển vi để quan sát tiêu bản, bạn An đã làm vỡ tiêu bản. Em hãy nêu nguyên nhân dẫn đến vỡ tiêu bản và cách điều chỉnh kính để khắc phục tình trạng trên?.

 **Câu 24. (1.5đ)**

1. Em hãy liệt kê các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ thấp đến cao?
2. Thế nào là cơ thể sinh vật?
3. Cho các vật sau: con voi, em bé, cây rau muống, cái bàn, mật ong, quyển sách, con giun đất, cây thước.

Hãy chỉ ra đâu là vật sống? Giải thích?

**Câu 25. (1.0đ)** Em hãy phân biệt các thành phần của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

**BÀI LÀM :**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN KHTN LỚP 6 GIỮA HKI NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Phần I. Trắc nghiệm**

*- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | B | D | A | D | D | A | B | A | D | C | B | A | B | A | C | C |

**Phần II. Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 17 (0,75đ)  | * Để đo bề dày cuốn sách khoa học tự nhiên lớp 6 em chọn loại thước: thước thẳng
* Có độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) là : 0,1 cm
* Giải thích sự lựa chọn của em là: Bề dày cuốn sách KHTN, bằng phẳng, chiều dài nhỏ, nên chọn thước thẳng để đo được chính xác nhất
 |  |
| 18 (0,5 đ): | Đổi đúng mỗi câu được 0,25 điểm1. **45 phút = 0,75 giờ b) 650 g= 0,65 kg**
 |  |
| 19 (0,25đ)  | - Đặt quả cân 2 kg ở một bên đĩa cân, đổ từ từ gạo sang đĩa cân còn lại cho đến khi cân thăng bằng, ta được 2 kg gạo.- Bỏ quả cân ra, chia đều gạo sang hai đĩa cân cho đến khi cân thăng bằng. Ta được mỗi bên 1 kg gạo.- Tiếp tục lấy gạo ở 1 đĩa chia đều sang hai đĩa cân cho đến khi cân thăng bảng. Ta được mỗi bên 1 kg gạo.- Gạo còn lại trong bao là 1 kgVậy: ta đã chia túi gạo 5 kg thành 5 túi gạo 1 kg |  |
| **20** | + Tính chất vật lý : Sắt là chất rắn, màu xám, có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt tốt. + 1Tính chất hóa học: Để lâu trong không khí, sắt biển thành gỉ sắt màu nâu, xốp, không có ánh kim | 0,3750,375 |
| **21** | a) Phải vì chất đã chuyển thể từ thể rắn sang thể lỏng.b) Không phải sự chuyển thể của chất mà là quá trình tách chất ra khỏi hỗn hợp.c) Phải vì đây là sự chuyển thể từ rắn sang lỏng và ngược lại | 0,1250,1250,25 |
| **22** | Số lít oxygen cần tiêu thụ hết 7 lít xăng:1950 x 7 = 13650 (lít)Thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km là VKK = VO2 = 5 x 13650 = 68250 (lit) | 0, 125 0, 125  |
| **23****(0.5đ)** | - Nguyên nhân: Do vật kính chạm vào tiêu bản .- Cách khắc phục: Vặn từ từ ốc to để hạ vật kính gần sát tiêu bản sau đó vặn theo chiều ngược lại thật chậm cho đến khi nhìn thấy mẫu vật | 0.250.25 |
| **24****(1.5đ)** | a) Tế bào → mô → cơ quan→ hệ cơ quan →cơ thể.b) Dấu hiệu: có trao đổi chất, cảm ứng, sinh trưởng, phát triển, sinh sản, hô hấp, bài tiết…c) **Đề 1** vật sống: con voi, em bé, cây rau muống, con giun đất- vì: các vật trên có trao đổi chất với môi trườngThực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản như: dinh dưỡng, sinh trưởng, phát triển, hô hấp, bài tiết, sinh sản, cảm ứng,… **Đề 2** vật sống:cây chuối, con kiến, cây mồng tơi, con mèo **(0,25đ)** | 0.50.50.250,25 |
| **25****(1.0đ)** | **Đề 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tế bào nhân sơ** | **Tế bào nhân thực** |
| * Giống nhau: đều có màng tế bào và tế bào chất
 |
|  Khác nhau:- chưa có hệ thống nội màng - các bào quan chưa có màng bao bọc, chỉ có một bào quan duy nhất là Ribosome- nhân chưa hoàn chỉnh | - có hệ thống nội màng- các bào quan đã có màng bào bọc, có nhiều bào quan- có nhân hoàn chỉnh (có màng nhân bao bọc) |

**Đề 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tế bào thực vật** | **Tế bào động vật**  |
| * Giống nhau: đều là tế bào nhân thực gồm 3 thành phần (màng tế bào, tế bào chất, nhân tế bào) **0.25đ**
 |
|  Khác nhau: **0.75đ**- có thành tế bào- có bào quan lục lạp- không bào lớn | - không có thành tế bào- Không có lục lạp- 1 số có không bào nhỏ |

 | 0.250.250.250.25 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS: \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_** **Lớp Trường THCS Kim Đồng****Số BD:**............... **Phòng thi:**...........**- Số tờ:**.......... | **KIỂM TRA GIỮA KỲ I (2023-2024)****MÔN: KHTN 6 - Đề 2****Thời gian làm bài:** 90 **phút** | **MP** | **TT** |
|  |  |
|

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Giám thị** | **Giám khảo 1** | **Giám khảo 2** | **MP** | **TT** |
|  |  |  |  |  |  |
|

**PHẦN I: ( 1,25 điểm) TRẮC NGHIỆM:** Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

**Câu 1. *Trong Hệ đơn vị đo lường hợp pháp của nước ta, đơn vị đo độ dài là***

A. đềximét (dm) B. mét (m) C. kilômét (km) D. Milimét (mm)

**Câu 2: *Để đo thời gian chạy cự li ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất ?***

A. Đồng hồ đeo tay C. Đồng hồ điện tử
B. Đồng hồ quả lắc. D. Đồng hồ bấm giây

**Câu 3:** ***Để đo khối lượng của một vật ta dùng dụng cụ nào?***

A. Thước đo. B. Kính hiển vi. C. Cân. D. Kính lúp.

**Câu 4: *Trong thang nhiệt độ Xen-xi-út, nhiệt độ của hơi nước đang sôi là***

A. 1000C B. 2000C C. 100C D. 00C

**Câu 5:**Hoạt động nào sau đây không thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

**A.** Đeo găng tay khi làm thí nghiệm.

**B.** Không ăn uống, đùa nghịch trong phòng thí nghiệm.

**C.** Để hóa chất không đúng nơi quy định sau khi làm xong thí nghiệm.

**D.** Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**Câu 6: Biển báo dưới đây cho ta biết điều gì?**



**A.** Phải đeo găng tay thường xuyên . **B.** Chất ăn mòn. **C.** Chất độc. **D.** Nhiệt độ cao.

**Câu 7: Quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí của chất gọi là**

**A.**sự đông đặc **B.**sự bay hơi **C.**sự nóng chảy. **D.**sự ngưng tụ.

**Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng?**

**A.** Khí oxygen không tan trong nước

**B.** Khí oxygen sinh ra trong quá trình hô hấp của cây xanh

**C.** Khí oxygen hóa rắn ở - 183oC

**D.** Ở điều kiện thường, oxygen là chất khí không màu, không mùi, không vị

**Câu 9.** Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính lúp?

**A.** Tế bào mô giậu của lá **C**. Tế bào biểu bì của lá

**B.** Tế bào trứng cá **D**. Tế bào biểu bì vảy hành

**Câu 10.** Loại tế bào nào trong cơ thể người có hình đĩa, lõm 2 mặt?

A. Tế bào cơ C. Tế bào thần kinh B. Tế bào biểu bì ở da D. Tế bào hồng cầu

**Câu 11.** Sự lớn lên và sinh sản của tế bào **không** có ý nghĩa nào sau đây?

**A**. Tăng kích thước cơ thể. **B**. Thay thế tế bào bị tổn thương

**C**. Làm cho cây mau già đi **D**. Thay thế tế bào già.

**Câu 12.** Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm những bộ phần nào?

**A**. Ốc to (núm chỉnh thô), ốc nhỏ (núm chỉnh tinh)

**B**. Chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu

**C**. Thị kính, vật kính

**D**. Đèn chiếu sáng, gương, màn chắn.

**Câu 13.** Từ 1 tế bào ban đầu sau 4 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra số tế bào con là:

**A**. 4 B. 8 **C**. 16 **D**. 32

**Câu 14.** Một em bé lúc mới đẻ được 3,0kg. Sau 1 tháng nặng 4.5 kg. Theo em tại sao lại có sự tăng khối lượng như vậy?

**A**. Do dự tăng lên về kích thước và số lượng các tế bào trong cơ thể.

**B.** Do tế bào tăng kích thước

**C**. Do tăng số lượng tế bào

**D**. Do tế bào phân chia.

**Câu 15.** Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ ở đặc điểm nào sau đây?

**A**. Có màng tế bào **C**. Chưa có nhân hoàn chỉnh

**B**. Có tế bào chất **D**. Có nhân hoàn chỉnh

**Câu 16.** Màng tế bào có chức năng gì?

**A**. Tham gia trao đối chất với môi trường.

B. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

**C**. Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào.

**D**. Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào.

**II/TỰ LUẬN ( 6 điểm)**

**Câu 17: (0,75 điểm):** Để thực hiện đo thời gian khi đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hồ nào? Giải thích sự lựa chọn của em?.

**Câu 18: (0,5 điểm)** Đổi các đơn vị sau

1. 25 km=……………………m
2. 2 lạng= …………………..kg

**Câu 19: ( 0,25 điểm):** Cho các dụng cụ sau:

 Một sợi chỉ dài 50 cm; Một chiếc thước kẻ có giới hạn đo 50 cm; Một cái đĩa tròn.

Hãy tìm phương án đo chu vi của cái đĩa đó.

**Câu 20: (0,75 điểm)** Hãy liệt kê các tính chất vật lí và tính chất hoá học của sắt có trong đoạn văn sau: "Sắt là chất rắn, màu xám, có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt tốt. Ở Thủ đô Delhi (Ấn Độ) có một cột sắt với thành phần gần như chỉ chứa chất sắt, sau hàng nghìn năm, dù trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt vẫn không hề bị gỉ sét. Trong khi đó, để đồ vật có chứa sắt như đinh, búa, dao,... ngoài không khí ẩm một thời gian sẽ thấy xuất hiện lớp gỉ sắt màu nâu, xốp, không có ánh kim".

**Câu 21: ( 0,5 điểm)** hiện tượng nào sau đây là sự chuyển thể của chất , hiện tượng nào không phải là sự chuyển thể của chất? Vì sao?

a) Khi trời nóng lên, băng tuyết lại tan ra

b) Đãi cát tìm vàng

c) Đúc đồ sắt ( nấu chảy săt, đổ vào khuôn để nguội)

**Câu 22:** **( 0,25 điểm)** Khi đốt cháy 1 lít xăng, cần 1850 lít oxygen. Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 8 lít xăng. Coi oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí. Thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km là bao nhiêu?

**Câu 23 (0.5đ)** Trong quá trình điều chỉnh kính hiển vi để quan sát tiêu bản, bạn An đã làm vỡ tiêu bản. Em hãy nêu nguyên nhân dẫn đến vỡ tiêu bản và cách điều chỉnh kính để khắc phục tình trạng trên.

 **Câu 24. (1.5đ)**

1. Em hãy liệt kê các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ thấp đến cao?
2. Thế nào là cơ thể sinh vật?
3. Cho các vật sau: con mèo, cây chuối, thịt bò, con kiến, cái cặp, cây mồng tơi, đôi dép, quyển vở.

Hãy chỉ ra đâu là vật sống? Giải thích?

**Câu 25. (1.0đ)** Em hãy phân biệt các thành phần của tế bào thực vật và tế bào động vật?

**BÀI LÀM :**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................**

**...........................................................................................................................................................................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN KHTN LỚP 6 GIỮA HKI NĂM HỌC 2023 – 2024 (đề 2)**

**Phần I. Trắc nghiệm (4đ)**

*- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | B | D | C | A | C | A | B | D | B | D | C | A | C | A | D | A |

**Phần II. Tự luận (6đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | **Nội dung** | **Điểm** |
| 17 (0,75đ) | Khoảng thời đi bộ từ cổng trường vào lớp học khá ngắn, để chính xác nên thực hiện đo thời gian khi đi từ cổng trường vào lớp học em dùng loại đồng hồ bấm giây.  | 0.75 |
| 18 (0,5 đ): | Đổi đúng mỗi câu được 0,25 điểm1. **25km= 25000 m b) 2 lạng= 0,2kg**
 | 0.5 |
| 19: (0,25đ) | - Dùng sợi chỉ quấn một vòng quanh đĩa. Đánh dấu chiều dài một vòng của sợi chỉ.-  Dùng thước kẻ đo chiều dài sợi chỉ vừa đánh dấu. Kết quả đo chính là chu vi của đĩa | 0.25 |
| 20(0,75đ) | + Tính chất vật lý : Sắt là chất rắn, màu xám, có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt tốt. + 1Tính chất hóa học: Để lâu trong không khí, sắt biển thành gỉ sắt màu nâu, xốp, không có ánh kim | 0,3750,375 |
| 21(0,25đ) | a) Phải vì chất đã chuyển thể từ thể rắn sang thể lỏng.b) Không phải sự chuyển thể của chất mà là quá trình tách chất ra khỏi hỗn hợp.c) Phải vì đây là sự chuyển thể từ rắn sang lỏng và ngược lại | 0,1250,1250,25 |
| 22(0,25đ) | Số lít oxygen cần tiêu thụ hết 7 lít xăng:1850 x 8 = 14800 (lít)Thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km là VKK = VO2 = 5 x 14800 = 74800 (lit) | 0, 125 0, 125  |
| 23(0.5đ) | - Nguyên nhân: Do vật kính chạm vào tiêu bản .- Cách khắc phục: Vặn từ từ ốc to để hạ vật kính gần sát tiêu bản sau đó vặn theo chiều ngược lại thật chậm cho đến khi nhìn thấy mẫu vật | 0.250.25 |
| 24(1.5đ) | a) Tế bào → mô → cơ quan→ hệ cơ quan →cơ thể.b) Dấu hiệu: có trao đổi chất, cảm ứng, sinh trưởng, phát triển, sinh sản, hô hấp, bài tiết…c) **Đề 1** vật sống: con voi, em bé, cây rau muống, con giun đất- vì: các vật trên có trao đổi chất với môi trườngThực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản như: dinh dưỡng, sinh trưởng, phát triển, hô hấp, bài tiết, sinh sản, cảm ứng,…  | 0.50.50.250,25 |
| 25(1.0đ) | **Đề 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tế bào thực vật** | **Tế bào động vật**  |
| * Giống nhau: đều là tế bào nhân thực gồm 3 thành phần (màng tế bào, tế bào chất, nhân tế bào) **0.25đ**
 |
|  Khác nhau: **0.75đ**- có thành tế bào- có bào quan lục lạp- không bào lớn | - không có thành tế bào- Không có lục lạp- 1 số có không bào nhỏ |

 | 0.250.250.250.25 |